

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P11+P9	7:25	22+0+0	0+0+0		18+2+1	0+0+0	
2		CLO+CTK3+TD3	7:25	17+5+0	0+0+0		9+12+1	0+0+0	chuyen 1 CLO- ctk3
3		SAVR+RP3	9:25	20+0	0+0		17+5	0+0	
4		CTC1+BK14+P2	9:25	4+14+2	0+0+0		1+9+12	0+0+0	
5		TD1+BK16+CLO	11:25	11+2+7	0+0+0		11+0+10	0+0+0	
6		RP2+RC3+P2	13:25	0+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 rp2- rc3

TTBDSX

- 1/ Đi về trong ngày tdl-Sng
- 2/Các gián chú ý: Thẻ VT về bỏ dân hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bỏ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nội quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng gián và cá nhân vi phạm



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TD1 - P11 - P9	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4164	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN XA	TD1				5	81	71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC TIỀN	TD1						82	KHOAN	Vietnamese
3	BÙI ANH SƠN	TD1						63	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG THỊ ANH TUYẾT	TD1						61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	TD1						66	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	78	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VĂN NAM	TD1	70	1	8			83	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ QUỐC BAO	TD1	76	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HỘI	TD1						76	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG ANH TUẤN	TD1	71	1	13			75	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SANG	TD1	84	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ THANH TUẤN	TD1	85-86	2	16			91	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY LONG	TD1	80-81	2	10			70	KHOAN	Vietnamese
14	DUTKO VASILII	TD1	74	1	8	1	16	90	ĐẠI LÂM-T	Russian
15	MALYSHKIN NIKITA	TD1				1	23	80	ĐẠI LÂM-T	Russian
16	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	77	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	69	1	6			94	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ MINH TUẤN	TD1	82	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	79	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD1	72	1	11			83	DVL	Vietnamese
21	HUYNH VŨ TÍNH	TD1	73	1	12			64	DVL	Vietnamese
22	LÊ ĐÌNH ĐÔNG	TD1	87	1	15			65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX.WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.605	17	125	7	120	18		
2	P11	0	0	0	0	0	0	2		
3	P9	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.605	17	125	7	120	21		
WEIGHT KG			1.605		125		120			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - CTK3 - TD3	CREW: KHOAN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4168	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN NGỌC THẠCH	CLO	27	1	6			60	D-HANH	Vietnamese
2	VOROBYEV SERGEY	CLO	28	1	6			99	KHOAN	Russian
3	DATSKO PAVEL	CLO	31	1	11			117	KHOAN	Russian
4	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	33	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	25	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	22	1	8	2	15	74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	29	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	CLO	26	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÌNH	CLO	36	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN BUI QUANG	CLO	20-21	2	10			69	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	30	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH NGỌC GIANG	CLO	35	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
13	QUÁCH THẾ ANH	CLO	24	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
14	TU QUỐC VIỆT	CLO	32	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	CLO	37	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN QUANG	CLO	23	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC CUÔNG	CLO	34	1	10			57	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	50	1	10	1	11	79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KIM HÀ	CTK3	49	1	7	1	10	60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN DÂN	CTK3	60	1	8			63	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	CTK3	09	1	7	1	20	81	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐINH MẠNH ĐỨC	CTK3						75	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	17	1.247	18	129	2	15	9	1	CHUYEN 01 PAX CLO-CTK3
2	CTK3	5	358	4	32	3	41	12		
3	TD3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.605	22	161	5	56	22		
WEIGHT KG			1.605		161		56			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO:SAVR- RP3	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4165	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHUC THAI HOA	SAVR	97	1	13			67	DMC-MI	Vietnamese
2	KIRICHENKO K.P.	SAVR	98-99	2	15			82	KHOAN	Russian
3	STUKALOV DMITRY	SAVR	15	1	8			74	AMNGR	Russian
4	ASHTAEV DMITRII	SAVR	83-84	2	14			103	AMNGR	Russian
5	ISKORNEV VIKTOR	SAVR	18-19	2	17			126	AMNGR	Russian
6	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	88-89	2	17			98	AMNGR	Russian
7	GORCHAKOV SERGEI	SAVR	85	1	11			97	AMNGR	Russian
8	DOBRYNIN PAVEL	SAVR	77	1	12			105	AMNGR	Russian
9	MOLCHANOV ANTON	SAVR	79-80	2	18			89	AMNGR	Russian
10	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	78	1	19			95	AMNGR	Russian
11	PROKOFEV ARTEMII	SAVR	20-21	2	11			86	AMNGR	Russian
12	KRYLOV EVGENII	SAVR	86-87	2	12			80	AMNGR	Russian
13	NEKRASOV IGOR	SAVR	81-82	2	18			93	AMNGR	Russian
14	NGUYEN VO DINH DUY	SAVR	90-91	2	20			72	DVL	Vietnamese
15	ĐINH TÂN VINH	SAVR						54	DVL	Vietnamese
16	PHAN THANH TINH	SAVR	16-17	2	20			66	DVL	Vietnamese
17	DO THANH TIEN	SAVR	95-96	2	15			80	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN CHI LINH	SAVR	92-93	2	16	1	14	79	DVL	Vietnamese
19	PHẠM HỮU HUÂN	SAVR	22	1	7			62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	19	1.608	30	263	1	14	17		
2	RP3	0	0	0	0	3	40	5		
TOTAL		19	1.608	30	263	4	54	22		
WEIGHT KG			1.608		263		54			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: CTC1 - BK14 - P2	CREW: KHOÀN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4169	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN TUẤN ANH	CTC1	47	1	12	7	101	72	CODIEN	Vietnamese
2	CAO HOÀI THƯƠNG	CTC1	48	1	11			61	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HAI	CTC1	44	1	11			84	DVL	Vietnamese
4	LÊ HOÀI THIÊN	CTC1	45-46	2	12			77	DVL	Vietnamese
5	SADOVNICHENKO	CTC1	42	1	13			106	KHOAN	Russian
6	MẠNH TRƯỜNG KHOA	BK14	59	1	5	3	31	80	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	BK14	56	1	10	1	19	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THĂNG	BK14	57-58	2	19	1	12	55	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	BK14	51	1	11			58	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH	BK14	42	1	10	1	15	74	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC TÍNH	BK14	52-53	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LÂM QUANG QUY	BK14	47	1	11	1	15	77	XAYLAP	Vietnamese
13	VI THAI	BK14	54-55	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ SƠN	BK14	49-50	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẠO XUÂN VIỆT	BK14	60-61	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
16	QUẦN HỒNG QUANG	BK14	44	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN CƯỜNG	BK14	46	1	10			50	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG VIỆT ANH	BK14	45	1	9			66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY KHANH	BK14	41	1	5			88	PSV	Vietnamese
20	THAI HOANG TAM	P2	15	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	5	400	6	59	7	101	0		<i>Xin tháo ghế để để chỗ hành</i>
2	BK14	14	945	19	172	7	92	9		
3	P2	1	76	1	3	0	0	11		
TOTAL		20	1.421	26	234	14	193	20		
WEIGHT KG			1.421		234		193			

GRAND TOTAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: TD1 - BK16 - CLO	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4166	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN ANH VINH	TD1	97	1	8	2	40	59	DVL	Vietnamese
2	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	TD1	400-01	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD1	91-92	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN BA ĐIỆN	TD1	98-99	2	18			79	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN LAM	TD1	95-96	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD1	93-94	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HIỆN	TD1	02	1	12	1	14	77	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ ANH QUỐC	TD1	04-05	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN NGỌC	TD1						72	PSV	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TỈNH	TD1	90	1	5			93	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN TỈNH	TD1	88-89	2	6			56	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ VIỆT LONG	BK16	81-82	2	13	1	20	61	CODIEN	Vietnamese
13	HOANG MINH TUẤN	BK16	83	1	13			76	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CLO	27	1	5			87	KHOAN	Vietnamese
15	CHU ĐÌNH THANH	CLO	28	1	8			53	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HUỆ	CLO	25-26	2	16			54	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC THANH	CLO	23-24	2	8	2	14	56	T-TIN	Vietnamese
18	HỒ MINH PHÚC	CLO	31	1	4			78	PSV	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	30	1	5			51	PSV	Vietnamese
20	LẠI ĐÌNH HẢI	CLO	29	1	12			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	11	767	17	140	3	54	11		
2	BK16	2	137	3	26	1	20	0		
3	CLO	7	461	9	58	2	14	10		
TOTAL		20	1.365	29	224	6	88	21		
WEIGHT KG			1.365		224		88			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

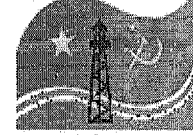
CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO:RP2 - RC3 - P2	CREW: HUNG - SON - THÀNH	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4167	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P2	20-21	2	19			70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TRỌNG TUẤN	P2	22	1	13	1	6	86	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH SƠN	P2	39	1	7			67	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN VĂN ĐƯƠNG	P2	50	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	P2	23-24	2	23			70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRỊNH HỮU HIỆU	P2	48-49	2	22			75	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỒNG VĂN THUY	P2	40-41	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	P2	26-27	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN HUAN	P2	31-32	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH TIẾN	P2	42	1	17			68	XAYLAP	Vietnamese
11	VƯƠNG HUY HOÀN	P2	37-38	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN HÙNG	P2	28-29	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
13	LẠI HUY CƯỜNG	P2	35	1	8	1	18	63	XAYLAP	Vietnamese
14	HUYNH KỶ MINH TUẤN	P2	46-47	2	21			61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHU	P2	30	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	25	1	16			63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY ĐƯƠNG	P2	45	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
18	KHÔNG QUỐC TIẾN	P2	51-52	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LAI	P2	33	1	13	1	16	57	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ QUỐC KHAI	P2	43-44	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM THIÊN NAM	P2	34	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX RP2-RC3	
2	RC3	0	0	0	0	0	0	0		
3	P2	21	1.426	32	319	3	40	22		
TOTAL		21	1.426	32	319	3	40	22		
WEIGHT KG			1.426		319		40			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHẠM THÁI SƠN

